



BSC WEEKLY REVIEW

Tuần 02 (09/01-13/01/23) Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc bộ chỉ số VN30 Index và VN-Finlead Index

NỘI DUNG

- 1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI:** *Tâm lý dè dặt trước kỳ nghỉ Lễ Tết AL*
- 2. CHUYÊN MỤC TUẦN:** *Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc bộ chỉ số VN30 Index và VN-Finlead Index*
- 3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ:** *SBV bơm ròng tiền qua OMO*
- 4. PTKT VN-INDEX:** *Giằng co xung quanh đường trung bình động 50 phiên, diễn biến chưa rõ ràng*
- 5. TIN VĨ MÔ:** *Mức độ suy thoái ngành sản xuất Việt Nam tăng lên vào cuối năm ngoái*
- 6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG:** *Dầu khí 8.88%*
- 7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG**

CHIẾN THUẬT TUẦN: Tâm lý dè dặt trước kỳ nghỉ Lễ Tết AL

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1051.44	4.40%
GTGD/phiên (tỷ VND)	8,870.36	31.38%
Khối ngoại (tỷ VND)	1631.26	
HNX-INDEX	210.65	2.60%
GTGD/phiên (tỷ VND)	863.04	27.06%
Khối ngoại (tỷ VND)	87.79	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	3895.08	2.28%	1.19%	-0.99%
EU (EURO STOXX)	4017.83	1.47%	5.91%	2.46%
China (SHCOMP)	3157.64	0.08%	0.08%	-1.24%
Japan (NIKKEI)	25973.85	0.59%	-1.39%	-6.19%
Korea (KOSPI)	2289.97	1.12%	2.89%	-3.42%
Singapore (STI)	3276.72	-0.48%	0.85%	1.59%
Thailand (SET)	1673.86	0.60%	0.76%	3.18%
Phillipines (PCOMP)	6667.97	-1.38%	1.54%	3.51%
Malaysia (KLCI)	1480.55	-0.03%	-0.74%	0.93%
Indonesia (JCI)	6684.56	0.46%	-2.42%	-0.46%
Vietnam (VNIndex)	1051.44	-0.41%	4.18%	0.09%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2301	1051.00	-0.61%	32,785	47,416
VN30F2302	1046.00	-1.08%	71	952
VN30F2303	1035.10	-2.11%	12	429
VN30F2306	1029.80	-2.61%	19	923

TTCK VIỆT NAM

TT quay trở lại vùng tích lũy trước khi giảm, áp lực chốt lãi trở lại

VN-Index tăng mạnh 4.4% với 15/19 ngành tăng điểm và 65% số cổ phiếu tăng giá. Khối ngoại bèn bỏ mua ròng, và diễn biến thị trường và tâm lý bị nén tuần kết thúc năm giao dịch đã giúp VN-Index bật tăng mạnh mẽ phiên đầu tiên năm 2023. Xu thế giằng co đi lên duy trì dù vậy áp lực chốt lãi quay trở lại khi chỉ số bước vào vùng tích lũy trước khi giảm điểm trên 1,050 điểm. Một số ngành có mức tăng trên 5% gồm có Dầu khí, Tài nguyên cơ bản, Dịch vụ tài chính và Ngân hàng trong khi những ngành tăng tuần trước như Hàng cá nhân và dịch vụ, Du lịch và giải trí và Y tế lại giảm điểm. Áp lực chốt lãi quay lại và dòng tiền vẫn chưa có sự cải thiện tích cực, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục giằng co với thanh khoản thấp trong khoảng thời gian 2 tuần trước kỳ nghỉ Lễ. Do vậy, Chúng tôi cho rằng NĐT tiếp tục kiên nhẫn chờ các tín hiệu rõ ràng cho hoạt động trading ngắn hạn.

Quốc hội khai mạc cuộc họp bất thường lần thứ 2 từ 5/1 – 9/1. Các vấn đề như quy hoạch tổng thể quốc gia, đánh giá thực hiện các Nghị quyết, dự thảo sửa đổi Luật và công tác nhân sự sẽ là trọng tâm cuộc họp. Quy hoạch tổng thể quốc gia phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP cả nước bình quân đạt khoảng 7.0%/năm giai đoạn 2021-2030. Tầm nhìn đến năm 2050, Việt Nam là nước phát triển, thu nhập cao giai đoạn 2031-2050, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6.5-7.5%/năm. GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2050 đạt khoảng 27,000-32,000 USD. Quốc hội cũng phê duyệt 2 phó thủ tướng Chính phủ mới thay thế các vị trí miễn nhiệm trong chiều 5/1. Việc phê duyệt bổ sung nhân sự cao cấp kịp thời là động lực cho Chính phủ hoàn thành các mục tiêu năm bản lề của nhiệm kỳ 2021 – 2026.

TTCK THẾ GIỚI

TTCK thế giới khởi sắc tuần đầu năm 2023

Chỉ số CK Hoa Kỳ bật tăng mạnh vào phiên cuối tuần trước báo cáo việc làm và khảo sát cho thấy lạm phát đang hạ nhiệt. Tính chung tuần, các chỉ số CK Hòa Kỳ tăng bình quân 1.4%, dù vậy vẫn thấp hơn mức tăng bình quân 3.8% của các nước phát triển Châu Âu. Các thị trường khu vực có sự phân hóa khi chứng kiến thị trường Indian, Japan, Malaysia, Indonesia giảm trong khi các thị trường khác tăng điểm. Trái ngược với diễn biến của TTCK, chỉ số hàng hóa lại có mức giảm mạnh 4.2%, dẫn đầu dầu thô và khí gas với mức giảm 8.1% và 11.1%. Ngoài ra các kim loại, ngoại trừ kim loại quý cũng giảm mạnh do những lo ngại covid lan nhanh ở Trung Quốc sau khi gỡ bỏ lệnh kiểm soát. Chỉ số USD Index tăng 0.3% tuy nhiên lại giảm giá so với các đồng tiền khu vực như Thailand, Philippines và Vietnam. Công bố CPI tháng và năm cùng với phát biểu chủ tịch FED sẽ là tâm điểm thông tin trong tuần tới.

Biên bản FOMC tháng 12 cho thấy quan điểm chống lạm phát và kỳ vọng lãi suất cao hơn của cho tới khi thêm dữ liệu củng cố niềm tin lạm phát trên đường giảm về mức 2%. Dựa trên quan điểm FED tại kỳ họp tháng 12, thị trường đang dự đoán tăng lãi suất 0.5% - 0.75% trước khi tạm ngừng tăng lãi suất để đánh giá. Tuy nhiên kỳ vọng và khả năng giảm lãi suất 2023 lại không được thành viên nào ủng hộ. Cùng với giảm lãi suất, FED giảm quy mô bản ĐKT khi để 95 tỷ USD trái phiếu và CK đảm bảo thế chấp đáo hạn và không mua lại. Mặc dù lạm phát đang có tiến triển nhưng thị trường lao động vững chắc với báo cáo 4/1 cho thấy tăng trưởng việc làm phi nông nghiệp vượt kỳ vọng. Lạm phát do vậy vẫn là mối bận tâm nhiều hơn của FED so với nỗi lo suy thoái.

Chú thích: * tỷ VND
^ hợp đồng

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc bộ chỉ số VN30 Index và VN-Finlead Index

Ngày 16/01/2023, HOSE sẽ công bố danh mục các cổ phiếu thuộc chỉ số VN30 và VN-Finlead, đồng thời sẽ có hiệu lực từ ngày 06/02/2023.

BSC dự báo

+ Chỉ số VN30 sẽ thêm mới cổ phiếu BCM đồng thời sẽ loại bỏ cổ phiếu KDH. Hiện tại có 4 chứng chỉ quỹ ETF đang tham chiếu theo chỉ số VN30 và giao dịch tại HOSE bao gồm: E1VFN30, FUESSVN30, FUEMAVN30, FUEKIV30 với tổng tài sản ước tính khoảng 8.548 tỷ đồng;

+ Chỉ số VN-Finlead sẽ không thêm mới cổ phiếu nào và có thể sẽ loại cổ phiếu BVH – do không đáp ứng về điều kiện giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float lũy kế. Giá trị có thể sai lệch đến từ việc tỷ lệ free-float áp dụng.

Nguồn dữ liệu dựa trên Bloomberg, Fiinpro cung cấp. Dựa trên cơ sở đó BSC dự kiến số lượng mua bán cổ phiếu tại các quỹ ETF như sau:

A. Đối với ETF tham chiếu theo bộ chỉ số VN30-Index

STT	Mã CK	Giá đóng cửa (05/01/2023)	Tỷ trọng mới (VND)	Tỷ trọng thay đổi (+/-)				SLCP mua bán (+/-)				Tổng	Ghi chú
				E1VFN30	FUESSVN30	FUEMAVN30	FUEKIV30	E1VFN30	FUESSVN30	FUEMAVN30	FUEKIV30		
1	VPB	18,950	8.23%	0.10%	0.05%	-0.07%	-0.31%	396,378	1,767	(13,287)	(69,556)	315,302	
2	FPT	80,600	7.48%	0.33%	0.06%	-0.32%	0.48%	313,679	508	(13,864)	25,007	325,330	
3	VNM	81,200	6.75%	0.10%	0.62%	0.35%	-0.19%	98,796	5,426	15,131	(9,656)	109,697	
4	ACB	22,850	6.53%	0.07%	0.23%	0.13%	0.25%	225,566	7,009	19,265	45,558	297,398	
5	MSN	99,500	6.34%	0.24%	0.20%	-0.06%	0.55%	188,033	1,438	(1,999)	23,424	210,897	
6	HPG	19,800	6.30%	0.23%	0.15%	0.20%	0.36%	897,362	5,366	35,135	76,775	1,014,638	
7	TCB	27,650	6.29%	0.19%	0.17%	0.09%	0.32%	528,593	4,330	11,243	48,742	592,908	
8	VHM	49,700	5.38%	0.18%	0.08%	0.18%	-0.34%	284,029	1,181	12,785	(28,584)	269,410	
9	VIC	56,200	5.33%	0.01%	0.14%	-0.07%	0.43%	15,983	1,779	(4,220)	32,389	45,932	
10	MWG	43,600	4.76%	0.14%	0.05%	-0.14%	0.32%	249,650	829	(11,047)	31,066	270,498	
11	STB	24,200	4.54%	0.24%	0.22%	0.24%	0.46%	762,287	6,398	34,312	80,035	883,032	
12	MBB	18,200	4.52%	0.11%	0.08%	0.02%	0.07%	447,772	2,937	2,996	15,226	468,931	
13	VCB	84,000	4.35%	0.19%	0.51%	-0.35%	0.73%	175,170	4,294	(14,422)	36,691	201,733	
14	VJC	110,000	2.96%	-0.13%	0.40%	0.26%	-0.26%	(88,378)	2,592	8,325	(9,818)	(87,279)	
15	HDB	16,400	2.87%	0.04%	0.09%	0.07%	0.25%	202,173	4,004	15,448	65,057	286,682	
16	VRE	29,200	2.64%	0.08%	0.21%	0.14%	0.14%	213,135	5,095	16,724	20,324	255,278	
17	VIB	20,100	2.32%	0.10%	0.17%	0.02%	0.00%	377,103	5,912	3,163	(352)	385,827	
18	CTG	28,500	2.04%	-0.03%	0.06%	-0.06%	-0.04%	(69,964)	1,589	(6,802)	(5,307)	(80,484)	
19	SSI	19,300	2.00%	0.09%	0.09%	0.20%	0.06%	366,344	3,355	36,267	13,485	419,451	
20	TPB	22,550	1.95%	0.11%	0.08%	0.15%	0.35%	382,592	2,565	23,377	65,810	474,344	
21	SAB	174,200	1.22%	0.26%	-0.11%	-0.18%	-1.28%	116,232	(435)	(3,533)	(30,922)	81,342	
22	NVL	13,700	1.06%	-0.04%	-0.02%	0.06%	0.04%	(206,584)	(861)	16,030	13,324	(178,091)	
23	GAS	106,600	1.02%	-0.15%	0.21%	0.12%	-0.51%	(112,085)	1,358	3,744	(20,373)	(127,356)	
24	BID	40,750	0.82%	-0.09%	0.19%	0.12%	0.23%	(169,511)	3,299	10,252	23,842	(132,118)	
25	POW	11,750	0.55%	0.06%	0.04%	0.15%	0.07%	377,736	2,258	43,582	24,252	447,827	
26	PLX	35,800	0.45%	0.06%	0.18%	0.15%	-0.06%	134,770	3,601	14,790	(6,763)	146,398	
27	PDR	15,150	0.40%	-0.02%	0.05%	0.00%	-0.04%	(76,468)	2,562	1,139	(9,750)	(82,517)	
28	BVH	48,050	0.35%	0.08%	-0.02%	-0.05%	-0.35%	136,201	(222)	(3,257)	(30,287)	102,434	
29	BCM	83,800	0.29%	0.29%	0.29%	0.29%	0.29%	263,817	2,416	11,875	14,431	292,540	Thêm mới
30	GVR	14,900	0.24%	-0.01%	0.01%	0.04%	0.02%	(66,215)	341	8,664	4,869	(52,341)	
31	KDH	27,700	0.00%	-1.25%	-1.29%	-1.10%	-1.22%	(3,478,791)	(32,879)	(137,798)	(185,731)	(3,835,198)	Bị loại

Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc bộ chỉ số VN30 Index và VN-Finlead Index

B. Đối với ETF tham chiếu theo bộ chỉ số VN-Finlead Index

STT	Mã CK	Giá đóng cửa (05/01/2022)	KLCP lưu hành (05/01/2022)	Tỷ trọng mới (%)	Tỷ trọng hiện tại (%)	Thay đổi tỷ trọng (%)	Giá trị thay đổi (tỷ đồng)	SLCP mua/bán (+/-)	Notes
1	VPB	18,950	6,713,204,001	15.00%	15.72%	-0.72%	-25.11	-1,325,142	
2	TCB	27,650	3,517,238,514	15.00%	14.28%	0.72%	25.11	908,190	
3	ACB	22,850	3,377,435,094	6.71%	6.99%	-0.28%	-9.76	-426,917	
4	MBB	18,200	4,533,986,133	11.17%	10.23%	0.94%	32.8	1,802,419	
5	SSB	33,650	2,040,298,268	2.60%	2.47%	0.13%	4.64	137,815	
6	STB	24,200	1,885,215,716	15.00%	14.54%	0.46%	16.04	662,951	
7	VCB	84,000	4,732,516,571	3.58%	2.78%	0.80%	28.06	334,099	
8	HDB	16,400	2,515,261,400	2.03%	2.30%	-0.27%	-9.33	-569,140	
9	SHB	10,350	3,066,887,010	4.37%	4.84%	-0.47%	-16.47	-1,590,956	
10	VIB	20,100	2,107,672,945	1.31%	1.07%	0.24%	8.38	416,853	
11	EIB	27,600	1,229,432,904	1.58%	0.55%	1.03%	35.81	1,297,619	
12	MSB	12,650	2,000,000,000	1.46%	1.97%	-0.51%	-17.64	-1,394,446	
13	TPB	22,550	1,581,755,495	2.24%	2.07%	0.17%	5.96	264,306	
14	SSI	19,300	1,489,138,669	6.58%	7.26%	-0.68%	-23.64	-1,224,742	
15	CTG	28,500	4,805,750,609	2.83%	3.06%	-0.23%	-7.9	-277,025	
16	VND	14,600	1,217,821,331	3.88%	3.66%	0.22%	7.67	525,113	
17	LPB	13,550	1,729,105,369	2.12%	1.90%	0.22%	7.74	571,254	
18	OCB	17,800	1,369,882,863	0.39%	0.60%	-0.21%	-7.2	-404,452	
19	VCI	26,100	435,499,901	1.09%	1.01%	0.08%	2.71	103,666	
20	BID	40,750	5,058,523,816	0.51%	0.27%	0.24%	8.28	203,091	
21	HCM	22,300	457,211,949	0.53%	0.44%	0.09%	3.24	145,340	
22	BVH	48,050	742,322,764	0.00%	0.32%	-0.32%	-11.16	-232,271	Dự kiến bị loại

Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

Lưu ý: Quy trình tính toán giới hạn tỷ trọng vốn hóa sử dụng giá đóng cửa, khối lượng cổ phiếu lưu hành, tỷ lệ free-float và tỷ trọng thanh khoản của cổ phiếu thành phần thuộc danh mục chỉ số tại phiên giao dịch liền trước thứ Hai lần thứ 3 của tháng 7 (Quy định của HSX). Dữ liệu dự báo dựa trên số liệu kết thúc tại ngày 30/12/2022.

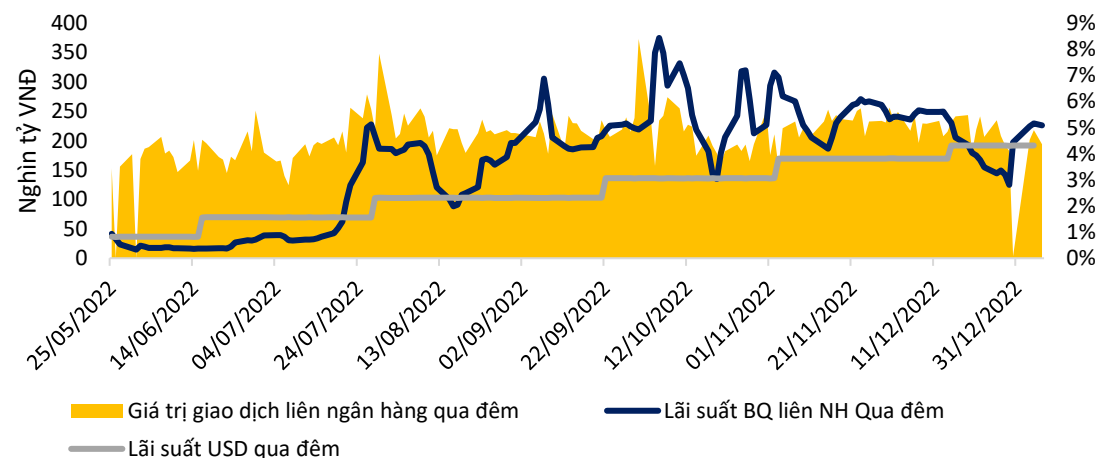
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 46	14/11/2022	18/11/2022	98,174.75	43,563.11	-54,611.64
Tuần 47	21/11/2022	25/11/2022	23,028.50	29,408.00	6,379.50
Tuần 48	28/11/2022	2/12/2022	43,563.11	45,660.68	2,097.57
Tuần 49	5/12/2022	9/12/2022	29,408.00	37,604.35	8,196.35
Tuần 50	12/12/2022	16/12/2022	45,660.68	72,132.64	26,471.96
Tuần 51	19/12/2022	23/12/2022	108,604.38	14,570.77	-94,033.61
Tuần 52	26/12/2022	30/12/2022	159,109.38	121,905.52	-37,203.86
Tuần 1	1/2/2023	1/6/2023	113,255.13	126,388.00	13,132.87

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	5.11%	6.11%	5.98%	8.20%	10.17%	10.80%	9.61%
So với tuần trước	1.69%	1.15%	0.48%	0.41%	1.30%	0.61%	0.00%
KLGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	204,695	11,295	4,176	2,756	1,984	86	120
So với tuần trước	24.46%	-87.96%	5.93%	14.57%	12.78%	-82.39%	0.00%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 06/01/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 01, 77.35 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu được phát hành, ngoài ra SBV thực hiện mua 22 nghìn tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã bơm ròng 13.13 nghìn tỷ đồng qua OMO. Thanh khoản và lãi suất giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm tăng mạnh trong tuần 01/2023.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 5.11%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 204.70 nghìn tỷ VNĐ

PTKT VN-INDEX: Tích lũy lại trên nền giá cũ, chờ tín hiệu bứt phá

Đồ thị ngày: Sau phiên tăng mạnh đầu tuần sau kỳ Nghỉ Lễ, VN-Index bước vào giai đoạn giằng co đi lên về vùng giá trước khi giảm. 3 cây nến doji cuối tuần với thanh khoản ở mức trung bình cho thấy thị trường đang thiếu động lực tăng khi quay trở lại vùng tích lũy cũ quanh 1,050 điểm. Cây nến tuần khá tích cực và hình thành mẫu hình nến morning doji star đồ thị tuần. Ngoài ra, VN-Index vẫn vận động trong vai trái mô hình V-D-V và cần thêm cây nến tuần thanh khoản lớn vượt qua đường neckline 1,080 điểm để xác nhận mô hình. Các chỉ báo kỹ thuật cải thiện nhẹ.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 46 lên 57 điểm.
- MACD vượt qua đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản cải thiện nhẹ.
- VN-Index vượt trên SMA20 và SMA50.

Nhận định: VN-Index hồi phục sau tín hiệu phân kỳ nhẹ giữa giá và RSI cuối tuần trước. Dù vậy vận động tăng giá có dấu hiệu mất đà khi trở lại vùng tích lũy cũ trước khi giảm điểm. Diễn biến giằng co nhiều khả năng sẽ còn diễn ra trong thời gian trước kỳ Nghỉ Lễ AL với thanh khoản từ thấp đến vừa. Vùng tích lũy sẽ tạo nền cho mô hình V-D-V để quay lại 1,150 sau khi vượt qua đường neckline tại 1,080 điểm.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: Mức độ suy thoái ngành sản xuất Việt Nam tăng lên vào cuối năm ngoái

VIỆT NAM:

- Biên bản cuộc họp FED: rủi ro lạm phát vẫn là mấu chốt của việc quyết định chính sách, không có quan chức nào mong đợi năm 2023 sẽ có cắt giảm lãi suất.
- EU: PMI dịch vụ T12 ghi nhận 49.8 điểm, PMI tổng hợp đạt 49.3 điểm, tăng so với 48.8 điểm sơ bộ.
- EU: PPI tháng 11 giảm -0.9% m/m như dự kiến, +27.1% y/y. Giá sản xuất giảm trong tháng 11 phần lớn là do lĩnh vực năng lượng (-2.2%).
- Eurozone: PMI sản xuất tháng 12 đạt 47.8, con số trước đó là 47.1. Suy thoái trong lĩnh vực sản xuất giảm bớt vào cuối năm do chuỗi cung ứng ổn định và áp lực lạm phát đã bớt căng thẳng.
- Dữ liệu biên chế ADP và đơn xin trợ cấp thất nghiệp cho thấy thị trường lao động Mỹ vẫn còn mạnh, đây sẽ là tiền đề cho FED tiếp tục tăng lãi suất để đưa lạm phát về tới mức mục tiêu 2% như đã đề ra.
- PBOC: sẽ tăng cường hỗ trợ tài chính cho cung và cầu trong nước, nhằm thúc đẩy phục hồi kinh tế vào năm 2023.
- BoJ: đã tiến hành mua trái phiếu đột xuất trong ngày thứ 4 liên tiếp để hạn chế lợi suất tăng.
- Mỹ: PMI sản xuất ISM của đã giảm trong hai tháng liên tiếp, đạt mức 48,4, giảm xuống mức thấp mới kể từ T5.2020.
- Mỹ: PMI Dịch vụ tháng 12 đạt 44.7 điểm, cao hơn so với con số 44.4 điểm sơ bộ.
- Trung Quốc: PMI đã giảm từ 48.0 xuống 47.0 trong tháng 12. Hiện tại, tình trạng lây nhiễm gia tăng có thể gây ra tình trạng thiếu lao động tạm thời và sự gián đoạn chuỗi cung ứng.
- Trung Quốc: chỉ số PMI ngành dịch vụ Caixin trong tháng 12 là 48, vẫn ở dưới điểm tới hạn, nhưng có một sự cải thiện nhỏ.
- Quảng Châu: dịch Covid19 đã lên đến đỉnh điểm, dự kiến sẽ bước vào giai đoạn cuối của dịch trước Tết Nguyên Đán.
- Anh: PMI sản xuất ghi nhận 45.3 trong tháng 12, mức thấp nhất kể từ T5.2020.
- Đức: CPI tháng 12 ghi nhận -0.8%, mức thấp mới kể từ T11.2020.

THẾ GIỚI:

- Phó Thủ tướng: năm 2023 đẩy nhanh thực hiện phương án xử lý các ngân hàng yếu kém, phát triển bền vững thị trường vốn, như tiền tệ, tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng khoán, BĐS.
- Chính phủ: năm 2023 sẽ tập trung xử lý 6 tổ chức tín dụng yếu kém và ngân hàng SCB cùng với 8/12 dự án chậm tiến độ đã được Bộ Chính trị cho chủ trương.
- Chính phủ: ban hành 15 Nghị định quy định Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện các Hiệp định Thương mại, Hiệp định Đối tác kinh tế.
- Sáng 05/01 Quốc hội khai mạc Kỳ họp bất thường lần thứ hai, quyết định 5 vấn đề quan trọng.
- Quốc hội: phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm 2 Phó Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026.
- NHNN: một số quy định mới về hoạt động mua bán nợ theo Thông tư 18 sẽ được áp dụng từ T2.2023. TCTD được chấp thuận hoạt động mua nợ phải có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo kỳ phân loại gần nhất.
- NHNN: chỉ trong 10 ngày cuối năm, dư nợ tín dụng đã tăng thêm khoảng 1.63 điểm %, tương ứng quy mô hơn 170,200 tỷ đồng. Tín dụng cuối năm 2022 ước tăng 14.5% svck.
- NHNN: trong 2 ngày giao dịch đầu năm, lượng vốn hút ròng lên 23,091 tỉ đồng. Lãi suất huy động tiết kiệm của một số ngân hàng tăng nhẹ sau khi việc đồng thuận lãi suất tối đa lên 9.5%/năm.
- Bộ Tài chính: Từ ngày 16/2/2023, áp dụng mức chi mới đối với hoạt động xúc tiến đầu tư
- Bộ Tài chính: tỷ lệ ước giải ngân vốn đầu tư công 12T.2022 đạt 67.27% kế hoạch, đạt 75.11% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn svck năm 2021 (77.30%).
- Bộ Tài chính: dự thảo đề án huy động khoảng 157 nghìn tỷ đồng cho các chương trình phục hồi kinh tế trong năm 2023.
- Bộ Công thương: thống kê 11T/2022, Việt Nam nhập khẩu 614.76 nghìn tấn thịt và sản phẩm từ thịt, trị giá khoảng 1.35 tỷ USD. Ấn Độ, Hoa Kỳ, Brazil, Hàn Quốc và Nga là 5 thị trường cung cấp lớn nhất.
- Bộ GTVT: đề xuất Chính phủ cho phép quy hoạch 101 cảng cạn trong giai đoạn từ nay đến 2030 tại 19 hành lang vận tải tại cả 3 khu vực: Bắc, Trung, Nam.
- VASEP: thủy sản sẽ sụt giảm đáng kể trong quý 1 và hồi phục vào nửa cuối năm 2023. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản 2023 có thể giảm nhẹ, còn khoảng trên 10 tỷ USD.
- S&P Global: PMI T12.2022 đạt 46.4 điểm, mức độ suy thoái ngành sản xuất tăng lên vào cuối năm 2022.

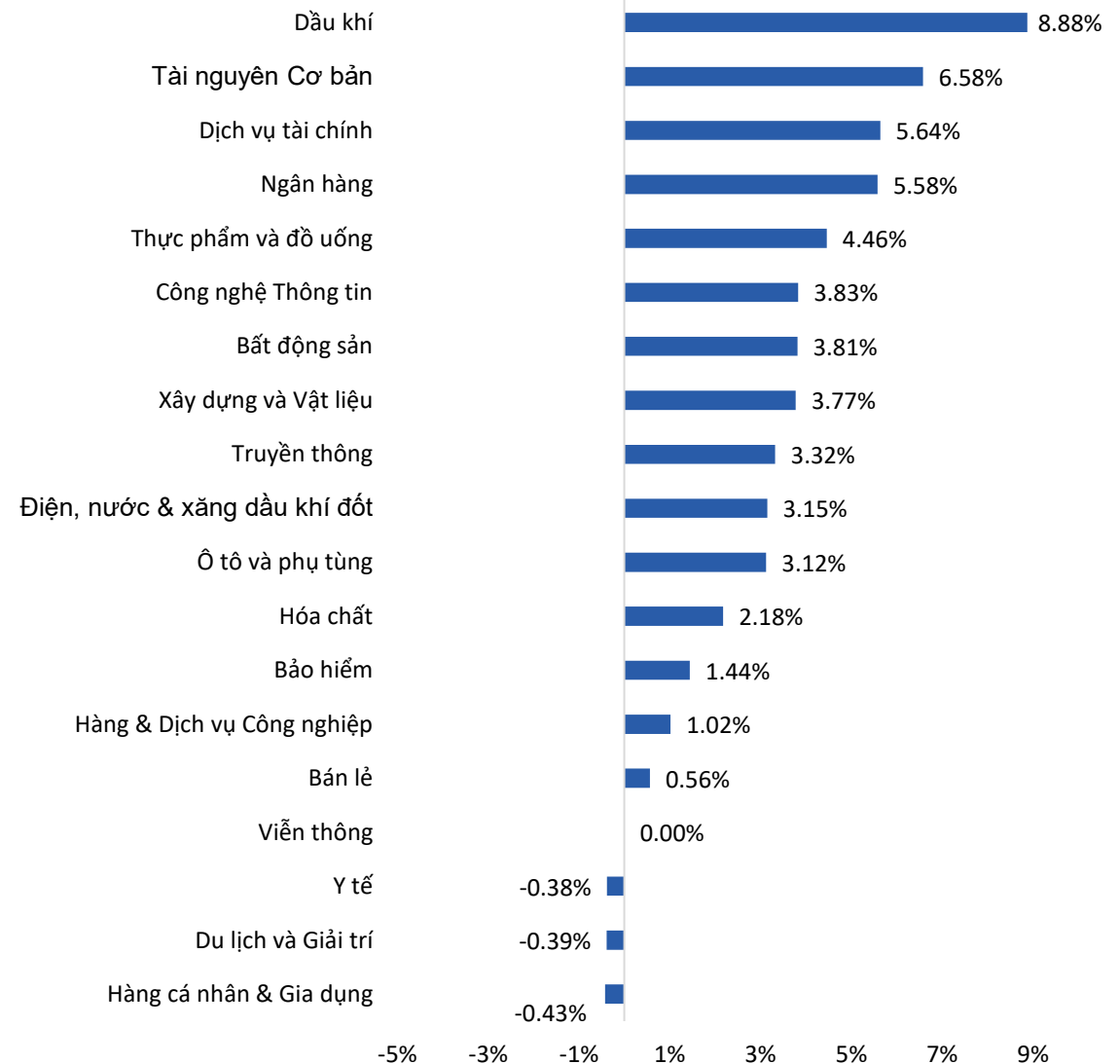
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Thị trường quay trở lại vùng tích trước khi giảm, tâm lý thận trọng và áp lực chốt lãi trước kỳ nghỉ Lễ
- Kỳ họp Quốc hội bất thường lần thứ 2 diễn ra từ 5/1 – 9/1
- 9/1, Tỷ lệ thất nghiệp EU; CPI và PPI Trung Quốc. 10/1, Cung tiền M2 và các khoản vay mới Trung Quốc; Chủ tịch FED phát biểu. 11/1, CPI và Doanh thu bán lẻ Australia; Dự trữ dầu thô. 12/1, CPI tháng và năm, đơn xin trợ cấp thất nghiệp của Hoa Kỳ; Báo cáo ECB. 13/1, GDP Anh; Cán cân thương mại EU; Chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Dầu khí	-1.93%	8.88%	11.83%	PLX	11.96%	
Tài nguyên Cơ bản	-1.57%	6.58%	2.98%	HPG	7.78%	HSG 9.52%
Dịch vụ tài chính	-1.18%	5.64%	-0.99%	SSI	7.39%	HCM 8.82%
Ngân hàng	0.72%	5.58%	6.30%	VCB	4.09%	VPB 6.46%
Thực phẩm và đồ uống	-0.84%	4.46%	-1.61%	VNM	3.64%	MSN 1.91%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	73.77	0.14%	-5.91%	-4.29%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	78.57	-0.15%	-8.54%	-1.38%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	224.46	-0.99%	-5.56%	1.46%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,865.69	1.79%	2.80%	5.48%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.83	2.52%	-0.27%	7.09%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,492.50	1.48%	-1.57%	3.29%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	743.50	-0.44%	-3.94%	0.61%		AFX
Sữa	USD/cwt	18.59	1.53%	-0.69%	-5.73%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	221.00	0.00%	0.18%	1.52%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	18.96	-1.96%	-6.55%	-3.02%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	158.30	-1.40%	-6.91%	-2.64%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,589.50	2.57%	2.04%	1.65%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	4,070.00	1.72%	1.72%	7.02%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,295.50	1.77%	-4.55%	-9.82%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	844.00	0.54%	0.54%	8.21%		HPG
Than đá	USD/MT	368.50	-0.94%	3.77%	-4.22%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	605.02	2.64%	2.64%	8.07%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
VCB	5.00%	4.75
BID	7.90%	3.87
SAB	8.27%	2.22
VIC	4.28%	2.20
VHM	3.96%	2.08
HPG	7.78%	2.04
VNM	4.86%	1.94
VPB	5.87%	1.78
VRE	11.22%	1.73
TCB	7.16%	1.63

Tổng 24.25

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
VJC	-1.55%	-0.23
NVL	-2.86%	-0.20
PVT	-7.73%	-0.14
SBT	-5.52%	-0.14
CRE	-8.74%	-0.10
NLG	-2.74%	-0.08
BWE	-3.13%	-0.08
SGT	-12.17%	-0.07
PNJ	-1.23%	-0.07
DPM	-1.28%	-0.05

Tổng -1.15

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	279.89	0.29
VNM	190.77	55.78
VRE	169.83	33.00
VPB	129.75	17.72
FUEVFN	129.29	
VHM	119.00	24.31
VIC	116.07	12.85
MSN	86.43	30.55
POW	80.56	5.02
FUESSVFL	76.42	

Tổng 1,377.99

Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
DPM	-133.23	20.09
DGC	-62.51	17.76
VGC	-57.47	5.73
PVT	-52.21	20.55
VHC	-40.89	30.36
DCM	-25.31	12.22
NT2	-23.03	16.65
GVR	-22.68	0.55
PTB	-21.22	14.85
NLG	-12.03	46.46

Tổng -450.59

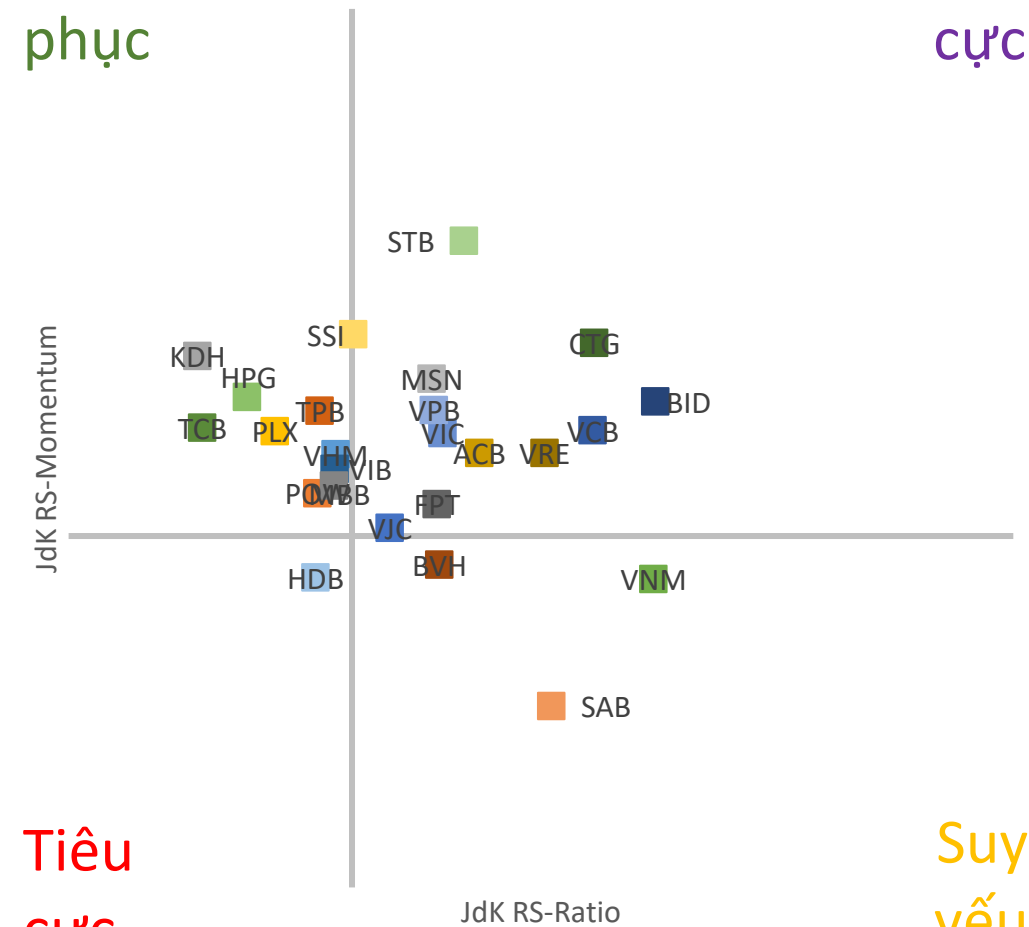
Vận động cổ phiếu VN30

VJC	102.0104	100.2288	-0.83%
FPT	104.5003	100.9034	10.00%
VRE	110.2013	102.3603	14.26%
BID	116.067	103.8272	27.76%
CTG	112.8372	105.4909	32.10%
MSN	104.225	104.4729	28.07%
VIC	104.8028	102.9251	-1.23%
ACB	106.7461	102.3532	13.48%
VCB	112.7462	103.0029	23.53%
SSI	100.0832	105.7332	8.00%
VPB	104.3539	103.5789	18.44%
STB	105.9416	108.3906	37.68%
VHM	99.14426	102.317	-5.49%
POW	98.18242	101.2138	10.85%
KDH	91.83167	105.12	4.91%
PLX	95.92931	102.9768	16.16%
VIB	99.09995	101.8981	7.29%
HPG	94.454	103.9539	-0.51%
TPB	98.3057	103.5554	11.94%
MBB	99.0583	101.4242	4.89%
TCB	92.07925	103.079	9.49%
VNM	115.9717	98.76746	5.49%
BVH	104.6345	99.17631	6.63%
SAB	110.5561	95.15808	-5.02%
GAS	108.5489	97.98869	-2.33%
PDR	51.14156	66.39174	-69.71%
NVL	47.66902	59.61884	-81.99%
MWG	84.81756	93.73698	-20.68%
HDB	98.07148	98.81611	-0.30%
GVR	82.25325	98.64954	-4.64%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- **Tích cực** → nên trong danh sách mua
- **Suy yếu** → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- **Tiêu cực** → nên trong danh sách tránh
- **Hồi phục** → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DANH MỤC ĐẦU TƯ CƠ BẢN

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	23.15	19.1	21.20%	24.4	5.40%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	84.9	74.7	13.65%	90	6.01%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	82.9	75	10.53%	94.2	13.63%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	14.6	13.6	7.35%	18.7	28.08%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	52.5	37.7	39.26%	51.2	-2.48%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	15.8	10.6	49.06%	14.1	-10.76%	
7	DRC	Ô tô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	21.7	17.1	26.90%	28	29.03%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	80.3	65.9	21.85%	84.6	5.35%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	69	59.8	15.38%	75.3	9.13%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.3	12.2	9.02%	15.7	18.05%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	34.50	29.00	18.97%	43.40	25.80%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	24.95	16.7	49.40%	18.1	-27.45%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	23	19	21.16%	24	3.06%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	43.15	37.9	13.85%	50.3	16.57%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	88.2	70.58	24.96%	66.89	-24.16%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	11.75	10.45	12.44%	13	10.64%	
17	PVD	Dầu khí	HNX	Mua	18.4	13.6	35.29%	19.7	7.07%	
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	22.9	19.1	19.90%	28	22.27%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	20.3	17.5	16.00%	24.3	19.70%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	14.1	12	17.50%	16	13.48%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	74.3	70.2	5.84%	86	15.75%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	84	75	12.00%	90.3	7.50%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	39	34.9	11.75%	48	23.08%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	69.5	74.9	-7.21%	87.2	25.47%	
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	79.8	75.65	5.49%	82.91	3.90%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	29.25	25	17.00%	31.8	8.72%	

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1 2 3 4 5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*) Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*) Ngày cấp (*) Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*) Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*) Quận/Huyện (*) Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký